

ACCOUNTING - AUDITING TRAINING IN THE ORIENTATION OF INTEGRATION AND APPROACHING IFAC TRAINING STANDARDS, LINKED TO INTERNATIONAL CERTIFICATES IN ACCOUNTING

Nguyen Thu Huong

Trung Vuong University

Email: thuhuong8282@gmail.com

Article History

Received: 07/7/2025

Reviewed: 30/7/2025

Revised: 24/8/2025

Accepted: 22/9/2025

Released: 30/9/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i3.a46>

ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0006-6612-952X>

In the context of deep economic integration and digital transformation, the requirements for professional competence of accountants and auditors are increasing in both professional depth and cross-disciplinary skills (digital competence, critical thinking, professional ethics). This article analyzes the theoretical and practical basis of designing accounting and auditing training programs according to the International Education Standards (IES) framework issued by the International Federation of Accountants (IFAC) and proposes an integrated training model closely linked to international professional certificates (ACCA, CPA Australia, ICAEW, CIMA). Based on the analysis of Vietnamese legal documents, the current status of higher education in accounting and auditing and the exemption/certification policies of international professional organizations, the article proposes an implementation roadmap, model program structure, assessment methods and cooperation mechanisms between relevant parties. Expected results: increase international compatibility of qualifications, shorten the time to issue professional certificates and improve the competitiveness of Vietnamese accounting workers in the global market.

Keywords: Accounting training; IFAC; IES; International certificates; ACCA; Integrated training; Vietnamese Accounting Law.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, vai trò của kế toán - kiểm toán đã có sự thay đổi căn bản. Trước đây, kế toán chủ yếu được xem là công cụ ghi chép và báo cáo tài chính thì nay, kế toán - kiểm toán trở thành đối tác chiến lược trong quản trị doanh nghiệp, cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định, quản lý rủi ro và bảo đảm tính minh bạch tài chính (Carnegie & Napier, 2017; IFAC, 2019). Đặc biệt, sự nổi lên của công nghệ số, dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) đã mở rộng phạm vi nghề nghiệp của kế toán - kiểm toán, đòi hỏi những kỹ năng vượt ra ngoài phạm vi chuyên môn truyền thống, bao gồm năng lực số, tư duy phản biện và đạo đức nghề nghiệp toàn cầu.

Trước xu hướng này, IFAC đã ban hành bộ IES nhằm thiết lập các chuẩn năng lực tối thiểu cho kế toán viên chuyên nghiệp. Các IES không chỉ nhấn mạnh vào kiến thức chuyên môn, mà còn tập trung vào phát triển kỹ năng nghề nghiệp (Professional

Skills) và giá trị đạo đức. Đồng thời, các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như ACCA, CPA Australia, ICAEW đều được xây dựng dựa trên nền tảng của IES, trở thành chuẩn mực để công nhận năng lực kế toán - kiểm toán toàn cầu (ACCA, 2023; ICAEW, 2023).

Tại Việt Nam, hệ thống đào tạo kế toán - kiểm toán đã có nhiều bước tiến kể từ khi Luật Kế toán (2015) và Luật Giáo dục đại học (2018) được ban hành, cùng với định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, giữa chuẩn đầu ra hiện nay và chuẩn mực quốc tế vẫn còn khoảng cách đáng kể. Phần lớn các chương trình đào tạo đại học chưa tích hợp chặt chẽ với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, dẫn đến sinh viên tốt nghiệp cần mất thêm nhiều năm và chi phí để đạt được chứng chỉ chuyên nghiệp, làm giảm năng lực cạnh tranh của lao động Việt Nam trong thị trường khu vực và toàn cầu (Nguyen & Tran, 2022).

Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải thiết kế lại chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán theo hướng tích hợp, vừa đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định pháp luật Việt Nam, vừa tương thích với IES và gắn với các chứng chỉ quốc tế. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật trong giáo dục đại học, mà còn là chiến lược nhằm nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của nhân lực kế toán Việt Nam trong nền kinh tế số và hội nhập quốc tế.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan tài liệu

2.1. IFAC - IES

IES do IFAC ban hành là bộ chuẩn quan trọng nhằm xác định năng lực tối thiểu của kế toán viên chuyên nghiệp trên phạm vi toàn cầu (IFAC, 2019; IFAC, 2021). Bộ chuẩn này bao gồm tám chuẩn mục, từ IES 1 đến IES 8, trong đó đề cập đến toàn bộ chu trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp của kế toán, từ giai đoạn tiền hành nghề đến học tập liên tục.

Điểm cốt lõi của IES không chỉ nằm ở kiến thức chuyên môn, mà còn nhấn mạnh: (i) Kỹ năng nghề nghiệp, bao gồm tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng công nghệ và năng lực lãnh đạo. (ii) Giá trị, đạo đức và thái độ nghề nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, liêm chính và trách nhiệm xã hội. (iii) Đánh giá năng lực, thông qua các phương pháp kiểm tra chuẩn hóa, tình huống mô phỏng và đánh giá thực hành. (iv) Yêu cầu học tập liên tục (CPD), giúp kế toán viên duy trì và nâng cao năng lực suốt đời nghề nghiệp (IFAC, 2019).

Đặc biệt, bản cập nhật gần đây của IES nhấn mạnh đến các chuẩn mục về đánh giá năng lực nghề nghiệp ban đầu. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các trường đại học và cơ sở đào tạo, bởi chương trình cần được thiết kế sao cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng một phần đáng kể chuẩn năng lực toàn cầu và từ đó, có thể rút ngắn con đường đạt chứng chỉ nghề nghiệp (ACCA, CPA Australia, ICAEW, CIMA).

Thực tiễn quốc tế cho thấy, nhiều trường đại học đã xây dựng chương trình tích hợp (Integrated Curriculum) gắn liền với IES và được các tổ chức nghề nghiệp công nhận miễn trừ một số môn thi. Điều này giúp sinh viên tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường lao động. Đây chính là nền tảng quan trọng để các trường đại học Việt Nam định hình lộ trình đổi mới chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán theo hướng hội nhập quốc tế.

2.2. Chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế và cơ chế miễn trừ

Trong đào tạo kế toán - kiểm toán toàn cầu, các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như ACCA, ICAEW, CPA Australia, CIMA đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn hóa và công nhận năng lực nghề nghiệp. Các chứng chỉ này được thiết kế dựa trên khung IES của IFAC, đồng thời thiết lập các cơ chế công nhận và liên thông với hệ thống giáo dục đại học (ACCA, 2023; ICAEW, 2023).

Một trong những cơ chế quan trọng là miễn trừ môn thi. Theo đó, sinh viên tốt nghiệp từ những chương trình đại học được đánh giá là tương thích có thể được miễn trừ một số môn học ở các cấp độ nhất định của chứng chỉ. Ví dụ, ACCA cho phép miễn trừ tối đa 9 môn trong cấp độ cơ bản nếu chương trình đại học có mức độ tương đồng từ 80% trở lên về nội dung và phương thức đánh giá (ACCA Global, 2023). Tương tự, ICAEW công nhận chương trình đào tạo tại các trường đại học đạt chuẩn và trao quyền lợi miễn trừ cho sinh viên.

Cơ chế này mang lại lợi ích kép cho người học: (i) Họ có thể rút ngắn thời gian và chi phí để hoàn thành chứng chỉ quốc tế. (ii) Bằng cấp đại học của họ tăng thêm giá trị quốc tế nhờ được các tổ chức nghề nghiệp công nhận. Đồng thời, đối với các trường đại học, việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng được công nhận (Accredited) sẽ nâng cao uy tín học thuật, thu hút sinh viên và khẳng định vị thế trong mạng lưới giáo dục kế toán toàn cầu (Jackling & De Lange, 2009).

Như vậy, việc thiết kế chương trình đại học tích hợp IES và gắn với cơ chế miễn trừ của các chứng chỉ quốc tế là chiến lược tối ưu để vừa bảo đảm chuẩn đầu ra quốc gia, vừa mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu cho sinh viên. Đây cũng chính là hướng đi nhiều quốc gia trong khu vực ASEAN đã và đang triển khai mạnh mẽ nhằm hội nhập với thị trường lao động quốc tế.

2.3. Văn bản pháp lý Việt Nam (Luật Kế toán năm 2015 và các Nghị định hướng dẫn)

Luật Kế toán năm 2015 cùng với các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành đã thiết lập khung pháp lý nền tảng cho hoạt động kế toán tại Việt Nam. Các quy định này bao gồm: nội dung công việc kế toán, chuẩn mực hành nghề, trách nhiệm pháp lý, cũng như yêu cầu về đạo đức và cấp chứng chỉ hành nghề đối với một số lĩnh vực đặc thù. Đây không chỉ là hành lang pháp lý bảo đảm tính minh bạch, chuẩn mực của thông tin tài chính, mà còn tạo cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn quản trị và giám sát doanh nghiệp.

Đặc biệt, Luật Kế toán năm 2015 quy định hệ thống báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), đồng thời mở ra khả năng tiếp cận, từng bước hội nhập với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở đào tạo: vừa phải tuân thủ khung pháp lý trong nước, vừa từng bước tích hợp IES do IFAC ban hành. Sự đồng bộ này là điều kiện tiên quyết để mô hình đào tạo tích hợp có tính khả thi, bảo đảm sinh viên sau tốt nghiệp vừa đáp ứng yêu cầu pháp luật Việt Nam, vừa có khả năng thích ứng với chuẩn mực toàn cầu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo được định hướng theo phương pháp nghiên cứu chính sách và thiết kế chương trình đào tạo, nhấn mạnh sự gắn kết giữa chuẩn mực quốc tế và khung

pháp lý quốc gia. Phương pháp luận được triển khai theo ba bước liên hoàn:

3.1. Phân tích tài liệu thứ cấp: Khai thác và đối chiếu các nguồn dữ liệu chuẩn mực và pháp lý, bao gồm IES và IFAC Handbook, tài liệu hướng dẫn về cơ chế miễn trừ của ACCA, các văn bản pháp lý trong nước (Luật Kế toán năm 2015 và các Nghị định liên quan), cùng với các báo cáo quốc tế về xu hướng giáo dục kế toán. Việc phân tích này nhằm nhận diện khoảng trống và mức độ tương thích giữa hệ thống đào tạo kế toán Việt Nam với thông lệ toàn cầu.

3.2. Tổng hợp mô hình đào tạo tích hợp: Nghiên cứu các trường hợp điển hình từ quốc tế, đặc biệt là các chương trình đại học được công nhận (Accredited) bởi ACCA, ICAEW, CPA Australia. Qua đó, bài báo rút ra những đặc trưng cấu trúc, phương thức đánh giá và yếu tố thành công của các mô hình tích hợp, coi đây là cơ sở so sánh và tham chiếu cho Việt Nam.

3.3. Đề xuất mô hình khung: Trên cơ sở hai bước trên, bài báo đề xuất một khung đào tạo kế toán - kiểm toán tích hợp, vừa bảo đảm tính tương thích với IES, vừa đáp ứng yêu cầu pháp lý trong nước. Mô hình này được thiết kế như một lộ trình chính sách, định vị vai trò của đào tạo đại học trong việc tạo “cầu nối” tới các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, đồng thời hài hòa hóa chuẩn mực toàn cầu với thực tiễn Việt Nam.

Cần nhấn mạnh rằng, nghiên cứu này không tiến hành khảo sát thực địa hay phỏng vấn chuyên gia, mà tập trung vào phân tích tài liệu, mô hình và khung chính sách. Đây là cách tiếp cận thích hợp nhằm xây dựng một khung tham chiếu mang tính khái niệm và chiến lược, định hướng cải cách chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4. Thực trạng - thách thức và khoảng cách

Kết quả nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tiễn các chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán hiện nay tại Việt Nam cho thấy, vẫn tồn tại những khoảng cách căn bản so với yêu cầu hội nhập quốc tế và chuẩn mực đào tạo theo IES:

4.1. Nội dung chương trình: Phần lớn các trường đại học còn thiên về giảng dạy lý thuyết báo cáo tài chính dựa trên VAS. Các mảng kiến thức hiện đại như kế toán quản trị chiến lược, phân tích dữ liệu lớn, kiểm toán công nghệ và quản trị rủi ro trong môi trường số còn thiếu vắng hoặc chỉ được đề cập ở mức độ khái lược. Khoảng trống này khiến sinh viên khó tiếp cận với yêu cầu nghề nghiệp mới trong kỷ nguyên chuyên đổi số và toàn cầu hóa.

4.2. Phương pháp đào tạo: Hoạt động dạy và học vẫn nặng về thuyết giảng truyền thống, thiếu ứng dụng các phương pháp tiên tiến như mô phỏng quy trình kiểm toán trên hệ thống ERP, học tập dựa trên tình huống hay đánh giá năng lực theo khung chuẩn nghề nghiệp quốc tế. Điều này làm hạn chế khả năng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng xử lý tình huống và tính thực hành của sinh viên.

4.3. Liên kết nghề nghiệp và chứng chỉ: Mặc dù một số cơ sở đào tạo lớn đã triển khai các chương trình gắn kết với ACCA, ICAEW, CPA Australia, nhưng quy mô còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Độ phủ chưa rộng khiến tác động lan tỏa đến toàn hệ thống giáo dục đại học Việt Nam còn mờ nhạt, chưa hình thành được một cơ chế liên thông hệ thống giữa đào tạo hàn lâm và chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế.

4.4. Đội ngũ giảng viên: Số lượng giảng viên sở hữu chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế hoặc có kinh nghiệm hành nghề toàn cầu còn khiêm tốn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy, đặc biệt ở các học phần tích hợp giữa lý thuyết và chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế, cũng như khả năng truyền đạt kinh nghiệm thực tiễn cho sinh viên.

4.5. Khung pháp lý và ngôn ngữ: Việc hệ thống kế toán Việt Nam vẫn chủ yếu vận hành trên cơ sở VAS và báo cáo bằng tiếng Việt, trong khi IFRS mới chỉ áp dụng thí điểm ở một số doanh nghiệp lớn, tạo nên khoảng cách đáng kể giữa nội dung đào tạo trong nước với yêu cầu của các kỳ thi chứng chỉ quốc tế. Đồng thời, rào cản ngôn ngữ tiếng Anh cũng khiến sinh viên khó tiếp cận trực tiếp với tri thức toàn cầu và hệ thống học liệu quốc tế.

Tổng thể, những thách thức trên đã và đang trở thành rào cản lớn trong quá trình xây dựng mô hình đào tạo kế toán - kiểm toán tích hợp theo chuẩn IES, cũng như cản trở việc hình thành cơ chế liên thông bền vững với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế.

5. Mô hình đào tạo đề xuất

5.1. Nguyên tắc thiết kế

Mô hình đào tạo kế toán - kiểm toán tích hợp được đề xuất dựa trên tư duy hệ thống và chuẩn mực quốc tế, với các nguyên tắc định hướng cốt lõi sau:

Tương thích với IES: Chương trình được xây dựng trên nền tảng của IES do IFAC ban hành, bảo đảm cân đối ba trụ cột then chốt: (i) Năng lực chuyên môn: cung cấp kiến thức toàn diện về kế toán tài chính, kiểm toán, kế toán quản trị, tài chính doanh nghiệp và IFRS. (ii) Kỹ năng nghề nghiệp: phát triển năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm và quản trị dự án trong bối cảnh toàn cầu hóa. (iii) Giá trị và đạo đức nghề nghiệp: hình thành bản lĩnh nghề nghiệp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm xã hội và tính liêm chính - nền tảng cho phát triển bền vững.

Tích hợp định hướng nghề nghiệp và chứng chỉ quốc tế: Cấu trúc chương trình được thiết kế theo hướng tương thích và liên thông với các chứng chỉ nghề nghiệp toàn cầu như ACCA, ICAEW, CIMA, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ học tập tương đương và được miễn trừ một số môn thi ở cấp độ tương ứng. Điều này không chỉ giảm chi phí - thời gian cho người học, mà còn mở ra con đường nghề nghiệp quốc tế ngay từ bậc đại học.

Đề cao thực hành và công nghệ: Mỗi sinh viên

được yêu cầu trải qua các học phần gắn với công nghệ số và thực tiễn nghề nghiệp, bao gồm: (i) Thực hành trên hệ thống ERP để hiểu cách vận hành kế toán - kiểm toán trong môi trường doanh nghiệp hiện đại. (ii) Học phân tích dữ liệu và kiểm toán số nhằm nâng cao năng lực xử lý dữ liệu lớn, phát hiện gian lận và kiểm soát rủi ro. (iii) Mô phỏng kiểm toán thực tế giúp người học trải nghiệm các tình huống nghề nghiệp gắn với môi trường hành nghề quốc tế.

Bảo đảm tính linh hoạt và học tập suốt đời: Chương trình áp dụng cơ chế các mô-đun độc lập, cho phép người học tích lũy, nâng cấp kiến thức theo từng giai đoạn nghề nghiệp. Đặc biệt, mô hình này gắn với yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) theo IES 7, bảo đảm năng lực hành nghề của người học luôn được cập nhật trong kỷ nguyên số và hội nhập toàn cầu.

5.2. Cấu trúc chương trình (đề xuất - 3 năm/4 năm)

Chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán tích hợp được thiết kế theo mô hình tăng bậc tiến triển (progressive model), kết hợp giữa nền tảng hàn lâm, kỹ năng chuyên môn và định hướng nghề nghiệp quốc tế. Toàn bộ cấu trúc có thể triển khai trong khung thời gian 3 năm (intensive track) hoặc 4 năm (standard track) tùy đặc thù cơ sở đào tạo.

Giai đoạn 1 - Nền tảng (năm 1 - 2). Mục tiêu: Hình thành cơ sở tri thức liên ngành và năng lực học thuật nền tảng: (i) Kiến thức cốt lõi: Kế toán cơ sở; Nguyên lý kế toán; Kinh tế vi mô và vĩ mô; Pháp luật kinh tế (tích hợp nội dung Luật Kế toán Việt Nam); Tài chính - Tiền tệ; Tài chính công... (ii) Năng lực hỗ trợ: Toán cao cấp; Thống kê ứng dụng; Tin học văn phòng và ứng dụng phân tích dữ liệu. (iii) Định hướng ban đầu: Các seminar nghề nghiệp, kỹ năng mềm (thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phản biện).

Giai đoạn 2 - Chuyên sâu (năm 2 - 3). Mục tiêu: Trang bị kiến thức nghề nghiệp nâng cao và tiếp cận chuẩn mực quốc tế: (i) Kế toán tài chính: Trình bày song song theo VAS và IFRS, nhấn mạnh sự khác biệt và khả năng chuyển đổi. (ii) Kế toán quản trị và kiểm soát hiệu quả: Phân tích tài chính, đo lường hiệu suất. (iii) Thuế và kế toán thuế: Chính sách thuế Việt Nam và khung so sánh quốc tế. (iv) Kiểm toán: Học phần kết hợp lý thuyết chuẩn mực với thực hành mô phỏng kiểm toán. (v) Hệ thống thông tin kế toán (AIS) và ERP: Giới thiệu hệ thống ERP và ứng dụng trong quản trị dữ liệu. (vi) Kiểm toán tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ: Rèn luyện năng lực đánh giá hiệu quả doanh nghiệp, quản lý rủi ro và tuân thủ.

Giai đoạn 3 - Hành nghề và liên thông chứng chỉ (năm 3 - 4/năm cuối). Mục tiêu: Chuẩn bị cho sinh viên bước vào thị trường lao động và hội nhập nghề nghiệp toàn cầu: (i) Môn học định hướng chứng chỉ quốc tế: Các học phần tương thích với syllabus ACCA/ICAEW/CIMA, bao gồm: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Báo cáo tài chính; Quản lý hiệu suất; Thuế. (ii) Đạo đức và giá trị nghề nghiệp: Các mô-đun về chuẩn mực đạo đức theo IES 4, tích hợp case

study về trách nhiệm xã hội, tính minh bạch và tính liêm chính. (iii) Luyện thi và đánh giá nội bộ: Tổ chức các kỳ kiểm tra chuẩn hóa để sinh viên đạt điều kiện miễn trừ môn ACCA/ICAEW.

5.3. Cơ chế miễn trừ và thừa nhận

Để bảo đảm tính liên thông giữa đào tạo hàn lâm và chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, mô hình được thiết kế theo hướng "Accredited Programme" - tức là chương trình đào tạo của nhà trường được các tổ chức nghề nghiệp toàn cầu (ACCA, ICAEW, CIMA...) thẩm định và công nhận: (i) Nguyên tắc miễn trừ: Các trường đại học xây dựng chương trình với nội dung và phương thức đánh giá tương đồng ít nhất 80% so với chuẩn đầu ra của môn học trong khung chứng chỉ quốc tế (theo quy định của ACCA Global). Sau đó, hồ sơ chương trình sẽ được nộp, để ACCA/ICAEW thẩm định và chính thức cấp quyền miễn trừ cho các học phần đạt chuẩn. (ii) Lợi ích cho người học: Sinh viên theo học chương trình tích hợp có thể nhận đồng thời bằng cử nhân và được miễn trừ một số môn học trên lộ trình lấy chứng chỉ quốc tế. Điều này giúp: Rút ngắn thời gian và giảm chi phí hành nghề quốc tế; Tăng tính cạnh tranh của sinh viên Việt Nam trên thị trường lao động toàn cầu; Tạo động lực để sinh viên tiếp tục theo đuổi các cấp độ chuyên sâu (Professional Level) của ACCA/ICAEW ngay sau khi tốt nghiệp.

Ý nghĩa hệ thống: Việc triển khai cơ chế miễn trừ không chỉ có lợi cho từng cá nhân, mà còn tạo đòn bẩy cho quốc tế hóa giáo dục kế toán - kiểm toán Việt Nam, thúc đẩy các trường đại học điều chỉnh chương trình đào tạo theo chuẩn mực toàn cầu và từng bước hội nhập với hệ thống đào tạo nghề nghiệp quốc tế.

5.4. Cơ chế triển khai và hợp tác

Để bảo đảm tính khả thi và bền vững, mô hình đào tạo tích hợp cần một cơ chế triển khai chặt chẽ, đồng thời thiết lập mạng lưới hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và cơ quan quản lý. Cơ chế này có thể được triển khai theo bốn trụ cột sau:

Liên kết học thuật và nghề nghiệp: (i) Nhà trường - Hiệp hội nghề nghiệp quốc tế (ACCA, ICAEW, CIMA, CPA Australia): Ký kết thỏa thuận hợp tác (MoU) để thẩm định chương trình, công nhận miễn trừ (Accreditation), cung cấp tài liệu học tập, giảng viên thỉnh giảng quốc tế. (ii) Tổ chức các khóa huấn luyện giảng viên (Train-The-Trainer) nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giảng dạy theo chuẩn quốc tế. (iii) Nhà trường - Doanh nghiệp/công ty kiểm toán, ngân hàng, tập đoàn: Đồng thiết kế học phần thực hành; Triển khai mô hình: giảng viên - chuyên gia cùng giảng dạy; Thiết lập trung tâm thực hành kế toán - kiểm toán số dựa trên ERP/Big Data.

Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong đào tạo: (i) Xây dựng LMS tích hợp với các nền tảng học liệu quốc tế (ACCA Learning Hub, ICAEW Resources). (ii) Sử dụng ERP, Data Analytics, AI Tools trong đào tạo, mô phỏng kiểm toán và phân tích dữ liệu tài chính. (iii) Triển khai hệ thống E-Assessment theo

chuẩn IES, bảo đảm tính khách quan và tương thích với kỳ thi quốc tế.

Cơ chế đảm bảo và kiểm định chất lượng: (i) Cấp trường: Thiết lập hệ thống Internal Quality Assurance (IQA) giám sát toàn bộ quá trình giảng dạy - đánh giá - thực tập. (ii) Chu kỳ rà soát định kỳ (3 - 5 năm): Cập nhật chương trình theo sự thay đổi của IFRS, IES và yêu cầu thị trường lao động.

Lộ trình triển khai chiến lược: (i) Giai đoạn 1 (Năm 1-2): Thí điểm chương trình tại một số khóa sinh viên; ký MoU với ít nhất 1 hiệp hội quốc tế và 2 doanh nghiệp đối tác chiến lược. (ii) Giai đoạn 2 (Năm 3 - 5): Hoàn thiện hồ sơ kiểm định, đạt công nhận miễn trừ ACCA/ICAEW; xây dựng trung tâm thực hành kế toán - kiểm toán số. (iii) Giai đoạn 3 (Sau năm thứ 5): Mở rộng hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo liên thông bậc thạc sĩ, triển khai các chương trình với các trường đại học đối tác toàn cầu.

6. Chi tiết triển khai

6.1. Phương pháp giảng dạy

Để hiện thực hóa mô hình đào tạo tích hợp theo chuẩn quốc tế, phương pháp giảng dạy cần được thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm, kết hợp hài hòa giữa nền tảng lý thuyết và trải nghiệm thực tiễn, cụ thể gồm:

Học tập kết hợp: Tích hợp linh hoạt giữa lớp học truyền thống và mô phỏng trên hệ thống ERP. Hình thức này giúp sinh viên vừa tiếp cận tri thức hàn lâm, vừa rèn luyện kỹ năng công nghệ và thực hành trên môi trường số, tạo cầu nối giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

Sử dụng tình huống thực tế: (i) Vận dụng các tình huống thực tiễn do doanh nghiệp, tổ chức kiểm toán và ngân hàng cung cấp nhằm gắn kết nội dung đào tạo với bối cảnh nghề nghiệp cụ thể, qua đó nâng cao tính ứng dụng và năng lực thích ứng của sinh viên. (ii) Tổ chức các mô phỏng kiểm toán và tình huống kế toán để hình thành và phát triển kỹ năng điều tra gian lận, đánh giá rủi ro cũng như năng lực ra quyết định trong các tình huống phức tạp, tiệm cận với yêu cầu nghề nghiệp thực tế. (iii) Triển khai phương thức đánh giá dựa trên dự án thay cho hình thức thi viết truyền thống, qua đó khuyến khích sinh viên phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo - những phẩm chất cốt lõi của nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh mới.

Thảo luận nhóm: (i) Khuyến khích sinh viên học tập cộng tác thông qua Peer Learning: làm việc nhóm, phân biện chéo, chia sẻ kinh nghiệm. (ii) Áp dụng Reflective Practice (tự phản tư) như viết nhật ký học tập, báo cáo phản ánh để sinh viên tự nhận diện điểm mạnh - điểm yếu, từ đó cải thiện kỹ năng giao tiếp, tư duy độc lập và năng lực nghề nghiệp.

6.2. Đánh giá năng lực

Hệ thống đánh giá được thiết kế theo định hướng Competency-Based Assessment, thay thế cách thi truyền thống thiên về ghi nhớ bằng các hình thức đo

lượng năng lực toàn diện, phù hợp với chuẩn mực quốc tế:

Đánh giá theo năng lực thực tiễn: (i) Bài kiểm tra thực hành trên hệ thống ERP: sinh viên xử lý các giao dịch mô phỏng, lập báo cáo và kiểm soát quy trình trong môi trường doanh nghiệp số. (ii) Bài kiến nghị: sinh viên phân tích tình huống tài chính - kiểm toán cụ thể và đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp/khách hàng. (iii) Báo cáo kiểm toán mẫu: sinh viên lập báo cáo kiểm toán với đầy đủ quy trình, từ thu thập bằng chứng, đánh giá rủi ro đến đưa ý kiến kiểm toán.

Đánh giá tích hợp chuẩn IES: (i) Áp dụng chuẩn mực của IFAC để đảm bảo tính tương thích toàn cầu. (ii) Đưa vào hệ thống đánh giá các năng lực mềm mà nghề nghiệp yêu cầu, bao gồm: Đạo đức nghề nghiệp: qua các tình huống về xung đột lợi ích, minh bạch thông tin; Kỹ năng giao tiếp: đánh giá khả năng trình bày báo cáo, bảo vệ ý kiến trước hội đồng; Hoài nghi nghề nghiệp: qua các tình huống kiểm toán, sinh viên phải đặt câu hỏi, phân tích bằng chứng và phân biện dữ liệu để bảo đảm tính khách quan.

Tích hợp đa dạng công cụ đánh giá: (i) Kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá như bài viết, thuyết trình, bài kiểm tra mô phỏng và hồ sơ học tập nhằm phản ánh toàn diện và đa chiều năng lực của người học. (ii) Bảo đảm việc đo lường năng lực của từng sinh viên theo hướng toàn diện, không chỉ dừng ở kiến thức chuyên môn, mà còn bao quát kỹ năng tư duy phản biện, năng lực giao tiếp, khả năng giải quyết vấn đề và phẩm chất nghề nghiệp.

6.3. Phát triển giảng viên

Chất lượng giảng viên là nhân tố then chốt quyết định sự thành công của chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán theo chuẩn quốc tế. Để đáp ứng yêu cầu của IFAC và hội nhập với các chuẩn mực nghề nghiệp toàn cầu, việc phát triển đội ngũ giảng viên cần triển khai trên cả ba phương diện: nâng cao trình độ chuyên môn quốc tế, tăng cường trải nghiệm thực tiễn doanh nghiệp và hội nhập học thuật toàn cầu.

Chính sách khuyến khích: Nhà trường xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính cho giảng viên tham gia thi lấy các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (ACCA, CPA Australia, ICAEW, CMA, CIA). Ngoài ra, giảng viên đạt chứng chỉ quốc tế hoặc có bài nghiên cứu đăng trên tạp chí uy tín sẽ được thưởng thêm (Financial & Career Incentives). Điều này vừa nâng cao năng lực giảng dạy, vừa gia tăng uy tín của chương trình.

Industry secondments & thực tiễn nghề nghiệp: Khuyến khích giảng viên tham gia chương trình "Secondment" ngắn hạn tại các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, hoặc tổ chức tài chính quốc tế. Qua đó, giảng viên không chỉ cập nhật các công nghệ mới (ERP, data Analytics, Forensic Accounting), mà còn mang lại Sase thực tiễn để áp dụng ngay trong lớp học.

Chương trình đào tạo giảng viên quốc tế: Mở rộng hợp tác với các trường đại học và tổ chức nghề

ngành được ACCA/ICAEW công nhận, triển khai các chương trình trao đổi giảng viên, Fellowship Programmes và Visiting Scholar. Nhờ đó, đội ngũ giảng viên được tiếp cận với phương pháp giảng dạy hiện đại, nghiên cứu đa chiều, đồng thời kết nối với mạng lưới học thuật - nghề nghiệp quốc tế.

Nghiên cứu & đổi mới sư phạm: Khuyến khích giảng viên nghiên cứu về phương pháp dạy - học tiên tiến (Case-Based, Simulation-Based, Competency-Based), ứng dụng công nghệ trong đào tạo, từ đó xuất bản nghiên cứu và chia sẻ trong cộng đồng học thuật. Đây cũng là tiêu chí quan trọng trong lộ trình kiểm định chất lượng quốc tế.

6.4. Hệ thống đảm bảo chất lượng

Để chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán theo định hướng chuẩn quốc tế vận hành bền vững, cơ chế đảm bảo chất lượng (QA) cần được thiết kế theo mô hình hai tầng: nội bộ - bên ngoài, vừa duy trì tính linh hoạt trong quản trị học thuật, vừa gắn chặt với các chuẩn mực toàn cầu.

Đảm bảo chất lượng nội bộ: (i) Hệ thống hóa chuẩn đầu ra theo khung năng lực của IFAC, bảo đảm mỗi học phần và hoạt động học tập đều liên kết trực tiếp với năng lực nghề nghiệp cốt lõi. (ii) Mời các chuyên gia độc lập từ các công ty kiểm toán, hiệp hội nghề nghiệp hoặc các trường quốc tế tham gia đánh giá định kỳ bài thi, khóa luận và dự án sinh viên nhằm đảm bảo tính khách quan và tương thích với chuẩn quốc tế. (iii) Thành lập hội đồng tư vấn doanh nghiệp, quy tụ đại diện công ty kiểm toán, tập đoàn đa quốc gia, hiệp hội nghề nghiệp trong và ngoài nước. Hội đồng góp ý thường niên về tính cập nhật của chương trình, đảm bảo đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động.

Đảm bảo chất lượng bên ngoài: (i) Liên hệ và ký kết hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế (ACCA, ICAEW, CPA Australia) để tiến hành đánh giá định kỳ (Periodic Review) và từng bước tích hợp chuẩn mực quốc tế vào toàn bộ lộ trình đào tạo. (ii) Quốc gia và khu vực: Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) để bảo đảm chương trình vừa đạt chuẩn quốc tế, vừa phù hợp khung pháp lý trong nước. (iii) Định kỳ với các chương trình đào tạo đã được kiểm định AACSB, EQUIS, hoặc các đại học có uy tín trong khu vực (Singapore, Malaysia, Hong Kong) nhằm không ngừng cải tiến chất lượng.

7. Thảo luận

Mô hình đào tạo kế toán - kiểm toán tích hợp theo chuẩn IES và gắn với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế mang lại nhiều giá trị đa chiều. Đối với sinh viên, lợi ích nổi bật là rút ngắn thời gian và chi phí để đạt được chứng chỉ quốc tế (ACCA, ICAEW, CPA), đồng thời nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu. Đối với nhà trường, mô hình tạo lợi thế cạnh tranh trong tuyển sinh, củng cố uy tín học thuật và khả năng hội nhập

vào mạng lưới đào tạo quốc tế. Đối với doanh nghiệp, chương trình đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, thành thạo công nghệ và chuẩn mực quốc tế, giảm chi phí đào tạo lại. Đối với nghề nghiệp kế toán - kiểm toán, đây là bước tiến chiến lược nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, việc triển khai mô hình cũng đối diện với những thách thức mang tính hệ thống. Thứ nhất, chi phí đầu tư hạ tầng (ERP, hệ thống E-Learning, Audit Lab) đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn và cam kết dài hạn. Thứ hai, năng lực giảng viên là yếu tố then chốt: nhiều giảng viên cần được hỗ trợ để đạt chứng chỉ quốc tế và trải nghiệm thực tế doanh nghiệp. Thứ ba, việc tích hợp IFRS song song với VAS đặt ra yêu cầu điều chỉnh khung pháp lý và xây dựng học liệu song ngữ phù hợp. Thứ tư, rào cản ngôn ngữ, đặc biệt trong các kỳ thi quốc tế, vẫn là trở ngại đáng kể với sinh viên Việt Nam.

Để đánh giá hiệu quả mô hình, cần thiết lập bộ chỉ số đo lường kết quả (KPIs), bao gồm: (i) Tỷ lệ sinh viên đạt chứng chỉ quốc tế trong vòng 1-3 năm sau tốt nghiệp. (ii) Tỷ lệ có việc làm trong vòng 6-12 tháng sau khi ra trường, đặc biệt tại các doanh nghiệp đa quốc gia, công ty kiểm toán lớn. (iii) Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng thông qua khảo sát định kỳ. (iv) Tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn nghề nghiệp quốc tế và tham gia nghiên cứu ứng dụng.

Như vậy, mô hình không chỉ mang ý nghĩa học thuật, mà còn đóng vai trò chiến lược phát triển nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

8. Kết luận

Đổi mới đào tạo kế toán - kiểm toán theo định hướng tích hợp, dựa trên IES của IFAC và gắn kết với cơ chế miễn trừ chứng chỉ nghề nghiệp toàn cầu (ACCA, ICAEW, CPA Australia) không chỉ là một lựa chọn, mà là một yêu cầu chiến lược tất yếu trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số.

Mô hình đề xuất khẳng định vai trò then chốt của thiết kế chương trình tương thích chuẩn quốc tế, phát triển đội ngũ giảng viên đạt chứng chỉ nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giảng dạy - đánh giá và thiết lập liên kết bền vững với tổ chức nghề nghiệp quốc tế cũng như doanh nghiệp. Chính sự hội tụ này giúp rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo trong nước và chuẩn mực toàn cầu, đồng thời bảo đảm sự phát triển bền vững của nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán Việt Nam.

Kỳ vọng cuối cùng là hình thành thế hệ chuyên gia kế toán - kiểm toán có năng lực chuyên môn sâu, kỹ năng nghề nghiệp toàn diện, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và tư duy toàn cầu, đủ sức thích ứng với môi trường kinh doanh biến động, đóng góp vào sự phát triển chuyên nghiệp hóa của nghề nghiệp cũng như nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- IFAC. (2019). *2019 Handbook of International Education Standards*. International Accounting Education Standards Board (IAESB). Retrieved from International Federation of Accountants (IFAC) website.
- IFAC. (2025). *Standards & Pronouncements - International Education Standards (IES) and revisions*. International Federation of Accountants (IFAC). Retrieved from IFAC website.
- ACCA. (n.d.). *Exemptions - Information for students*. Association of Chartered Certified Accountants (ACCA Global). Retrieved from ACCA website.
- ACCA. (2021). *Exemption Accreditation Handbook*. Association of Chartered Certified Accountants (ACCA). Retrieved from ACCA Global resources.
- National Assembly of Vietnam. (2015). *Law No. 88/2015/QH13 on Accounting (Law on Accounting, 20 November 2015)*. Unofficial English translation.
- World Bank/Centre for Financial Reporting Reform (CFRR). (2020). *Exemption accreditation and comparative frameworks*. Retrieved from World Bank CFRR website: <https://cfrf.worldbank.org>

**ĐÀO TẠO KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG TÍCH HỢP VÀ
TIẾP CẬN CHUẨN MỰC ĐÀO TẠO CỦA IFAC, GẮN VỚI CÁC CHỨNG CHỈ
QUỐC TẾ VỀ KẾ TOÁN**

Nguyễn Thu Hương

Trường Đại học Trung Vương

Email: thuhuong8282@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/7/2025

Ngày phản biện: 30/7/2025

Ngày tác giả sửa: 24/8/2025

Ngày duyệt đăng: 22/9/2025

Ngày phát hành: 30/9/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i3.a46>

ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0006-6612-952X>

Tóm tắt:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng và chuyển đổi số, yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của kế toán - kiểm toán gia tăng cả về chiều sâu chuyên môn lẫn kỹ năng xuyên ngành (năng lực số, tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp). Bài báo này phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết kế chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán theo khung Chuẩn mực Giáo dục Quốc tế (IES) do Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) ban hành, đồng thời đề xuất một mô hình đào tạo tích hợp gắn chặt với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (ACCA, CPA Australia, ICAEW, CIMA). Trên cơ sở phân tích văn bản pháp lý Việt Nam, thực trạng giáo dục đại học về kế toán - kiểm toán và chính sách miễn trừ/chứng nhận của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, bài báo đề xuất lộ trình thực hiện, cấu trúc chương trình mẫu, phương pháp đánh giá và cơ chế hợp tác giữa các bên liên quan. Kết quả mong đợi: gia tăng tính tương thích quốc tế của bằng cấp, rút ngắn thời gian cấp chứng chỉ chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh cho lao động kế toán Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Từ khóa: Đào tạo kế toán; IFAC; IES; Chứng chỉ quốc tế; ACCA; Đào tạo tích hợp; Luật Kế toán Việt Nam.